

138/2026 VIET NAM - NORTH EAST COAST - HAI PHONG - Depths, Marine farm.

Source: Hai Phong Maritime port authority, Notice No. 1813/2026/TBHH-CVHHHP

Chart - VN50008 [*previous update 135/2026*]

Insert	depth, 1 ₉	20°53.443'N 106°45.492'E
	depth, 1 ₄	20°56.770'N 106°45.413'E
Replace	depth, 3 ₅ , with depth, 3 ₄	20°52.922'N 106°45.248'E
	depth, 2 ₆ , with depth, 2 ₈	20°53.077'N 106°45.278'E
	depth, 1 ₅ , with depth, 1 ₁	20°56.702'N 106°45.812'E
	depth, 1 ₅ , with depth, 1 ₃	20°56.671'N 106°45.834'E
	depth, 1 ₉ , with depth, 1 ₈	20°56.945'N 106°44.687'E
Delete	depth, 3 ₅	20°51.371'N 106°45.640'E
	depth, 1 ₁	20°56.711'N 106°45.752'E
	former limit of marine farm, pecked line, and symbol  joining:	20°51.154'N 106°45.805'E 20°55.975'N 106°46.218'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

138/2026 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Độ sâu, Khu vực nuôi trồng thủy sản.

Nguồn: Cảng vụ hàng hải Hải Phòng, Thông báo số 1813/2026/TBHH-CVHHHP

Hải đồ - VN50008 [*Cập nhật trước 135/2026*]

Chèn	độ sâu, 1 ₉	20°53.443'N 106°45.492'E
	độ sâu, 1 ₄	20°56.770'N 106°45.413'E
Thay	độ sâu, 3 ₅ , bằng độ sâu, 3 ₄	20°52.922'N 106°45.248'E
	độ sâu, 2 ₆ , bằng độ sâu, 2 ₈	20°53.077'N 106°45.278'E
	độ sâu, 1 ₅ , bằng độ sâu, 1 ₁	20°56.702'N 106°45.812'E
	độ sâu, 1 ₅ , bằng độ sâu, 1 ₃	20°56.671'N 106°45.834'E
	độ sâu, 1 ₉ , bằng độ sâu, 1 ₈	20°56.945'N 106°44.687'E
Xóa	độ sâu, 3 ₅	20°51.371'N 106°45.640'E
	độ sâu, 1 ₁	20°56.711'N 106°45.752'E
	Giới hạn của khu vực nuôi trồng thủy sản cũ, đường nét đứt, và ký hiệu đi kèm  nói:	20°51.154'N 106°45.805'E 20°55.975'N 106°46.218'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)